

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT KRÔNG NÔ

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 6	Lớp 10	Lớp 7, 8, 9, 11, 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh vào lớp 6 của Bộ GD-ĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh vào lớp 10 của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT	Tiếp nhận học sinh các lớp lên lớp từ năm học 2020-2021 của trường.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo chương trình của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT.	Theo chương trình của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT.	Theo chương trình của Bộ GD-ĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	<p>1. Phối hợp định kỳ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh. + Nhà trường và Ban đại diện CMHS trường: Định kì dự họp với BCH hội 4 lần/năm vào các tháng 8, 11, 01, 5 hàng năm và những lần họp đột xuất khi cần. + Nhà trường họp với toàn thể CMHS: 1 năm họp 3 lần vào tháng 8 và tháng 1, 5. Riêng khối 9 và khối 12 họp thêm 1 lần vào tháng 4.</p> <p>2. GVCN các lớp và CMHS: Phối hợp thường xuyên (trực tiếp, qua điện thoại).</p> <p>3. Nhân dịp sơ kết, tổng kết, khai giảng: Nhà trường và Ban đại diện CMHS trường tổ chức các hoạt động giao lưu. Nhà trường mời Ban đại diện CMHS tham dự các phiên họp Hội đồng kỷ luật học sinh (nếu có).</p> <p>4. Khi có những vấn đề đột xuất nhà trường mời CMHS đến phối hợp giáo dục và ngược lại Ban đại diện CMHS trường, lớp, CMHS có thể đến gặp Ban giám hiệu nhà trường trao đổi.</p> <p>5. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi nhất cho ban đại diện CMHS trường, chi hội CMHS các lớp hoạt động theo điều lệ hội.</p> <p>6. Qua sổ điểm điện tử, CMHS có 1 Phiếu liên lạc giữa gia đình và nhà trường, phần liên lạc này do GVCN quản, định kỳ và đột xuất, sử dụng để thông tin và phối hợp với CMHS trong việc giáo dục học sinh.</p>		
	Yêu cầu về thái độ học tập của học	<p>1. Chuẩn bị học tập và tự học: + Phải có đủ SGK, SBT, vở ghi, đồ dùng học tập. Về tài liệu tham khảo: Theo hướng dẫn của giáo viên bộ môn. + Học thuộc bài và làm hết các bài tập mà giáo viên đã yêu cầu.</p>		

	sinh	<ul style="list-style-type: none"> + Học sinh tham gia học giờ tự học đầy đủ. 2. Sinh hoạt, học tập tại trường: <ul style="list-style-type: none"> + Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của nhà trường, quy định của GVCN, GVBM. + Đi đúng giờ, học đủ số tiết/ ngày, số buổi/ tuần. + Mang đủ SGK, SBT, vở, tài liệu tham khảo các môn học. + Trật tự, chú ý nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài. + Tuân thủ mọi yêu cầu của thầy, cô. + Tích cực giúp đỡ bạn để cùng tiếp thu được cao nhất bài giảng. + Chuẩn bị sẵn giấy để làm bài kiểm tra. Khi làm bài kiểm tra: không sử dụng tài liệu, không trao đổi bài với bạn. Tự lực, quyết tâm làm bài để đạt kết quả cao nhất. Phải lưu tất cả các bài kiểm tra sau khi được thầy, cô chấm, trả. 3. Việc tự học ở trường: <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh nội trú gương mẫu trong sinh hoạt, học tập. + Chấp hành nghiêm luật giao thông, không vi phạm các tệ nạn xã hội. + Chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trao đổi phương pháp học tập các bộ môn, phương pháp làm bài kiểm tra các loại đề ra với những hình thức khác nhau và đạt kết quả khá, giỏi ở hầu hết các bộ môn.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức dạy và học phù hợp với khả năng nhà trường có. Trong đó có chú ý lựa chọn và đầu tư để nâng cao chất lượng mũi nhọn; hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT, các dự án tham gia cuộc thi - Quan tâm tổ chức giảng dạy môn thể dục và tổ chức dạy bồi dưỡng cho những học sinh có năng khiếu tham dự Đại hội TDTT ngành, Tỉnh. - Quan tâm xây dựng phong trào văn nghệ, tổ chức cho học sinh tham gia các diễn đàn, sinh hoạt ở các câu lạc bộ, tổ nhóm học tập. - Tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động xã hội, nhân đạo. - Có đủ nước sạch dùng cho sinh hoạt, có đủ công trình vệ sinh. - Thường xuyên tổ chức cho học sinh lao động xây dựng và giữ gìn nhà trường, lớp luôn Xanh - Sạch - Đẹp. - Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, CMHS xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Phấn đấu xây dựng trường học thân thiện và đạt chuẩn quốc gia.

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>1. Về đạo đức: - Phân loại hạnh kiểm cả năm:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Khối</th> <th rowspan="2">Số</th> <th colspan="2">Tốt</th> <th colspan="2">Khá</th> <th colspan="2">TB</th> <th colspan="2">Yếu</th> </tr> <tr> <th>SL</th> <th>TL</th> <th>SL</th> <th>TL</th> <th>SL</th> <th>TL</th> <th>SL</th> <th>TL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>THCS</td> <td>119</td> <td>113</td> <td>95%</td> <td>6</td> <td>5%</td> <td>0</td> <td>0.00%</td> <td>0</td> <td>0.00%</td> </tr> <tr> <td>THPT</td> <td>80</td> <td>76</td> <td>95%</td> <td>4</td> <td>5%</td> <td>0</td> <td>0.00%</td> <td>0</td> <td>0.00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>2. Về học tập: - Phân loại học lực cả năm:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Khối</th> <th rowspan="2">Số</th> <th colspan="2">Giỏi</th> <th colspan="2">Khá</th> <th colspan="2">TB</th> <th colspan="2">Yếu</th> <th colspan="2">Kém</th> </tr> <tr> <th>SL</th> <th>TL</th> <th>SL</th> <th>TL</th> <th>SL</th> <th>TL</th> <th>S</th> <th>TL</th> <th>SL</th> <th>TL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>THCS</td> <td>119</td> <td>7</td> <td>5,6%</td> <td>46</td> <td>38,5%</td> <td>66</td> <td>55,9%</td> <td>0</td> <td>0.00%</td> <td>0</td> <td>0.00%</td> </tr> <tr> <td>THPT</td> <td>80</td> <td>9</td> <td>10,5%</td> <td>43</td> <td>52,7%</td> <td>28</td> <td>36,8%</td> <td>0</td> <td>0.00%</td> <td>0</td> <td>0.00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>3. Tham gia các cuộc thi: Phân đầu tham gia và có giải trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh, học sinh giỏi kỳ thi Olympic tỉnh; tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật,...</p> <p>4. Duy trì sĩ số:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Khối lớp</th> <th>Đầu năm</th> <th>Cuối năm</th> <th>Giảm</th> <th>Tỉ lệ giảm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khối 6</td> <td>30</td> <td>30</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> <tr> <td>Khối 7</td> <td>29</td> <td>29</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> <tr> <td>Khối 8</td> <td>30</td> <td>30</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> <tr> <td>Khối 9</td> <td>30</td> <td>30</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> <tr> <td>THCS</td> <td>119</td> <td>119</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> <tr> <td>Khối 10</td> <td>30</td> <td>30</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> <tr> <td>Khối 11</td> <td>26</td> <td>26</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> <tr> <td>Khối 12</td> <td>24</td> <td>24</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> <tr> <td>THPT</td> <td>80</td> <td>80</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> <tr> <td>Toàn trường</td> <td>199</td> <td>199</td> <td>0</td> <td>00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>5. Học sinh cuối cấp: Học sinh tốt nghiệp THPT đạt 100%, tốt nghiệp THCS đạt 100%; học sinh lên thẳng và học sinh lên lớp sau thi lại đạt 100%; đậu cao đẳng, đại học đạt 100% (trong số học sinh đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng).</p> <p>6. Sức khỏe học sinh: 100% học sinh được kiểm tra sức khỏe và đủ sức khỏe để học tập.</p>	Khối	Số	Tốt		Khá		TB		Yếu		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	THCS	119	113	95%	6	5%	0	0.00%	0	0.00%	THPT	80	76	95%	4	5%	0	0.00%	0	0.00%	Khối	Số	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		SL	TL	SL	TL	SL	TL	S	TL	SL	TL	THCS	119	7	5,6%	46	38,5%	66	55,9%	0	0.00%	0	0.00%	THPT	80	9	10,5%	43	52,7%	28	36,8%	0	0.00%	0	0.00%	Khối lớp	Đầu năm	Cuối năm	Giảm	Tỉ lệ giảm	Khối 6	30	30	0	00%	Khối 7	29	29	0	00%	Khối 8	30	30	0	00%	Khối 9	30	30	0	00%	THCS	119	119	0	00%	Khối 10	30	30	0	00%	Khối 11	26	26	0	00%	Khối 12	24	24	0	00%	THPT	80	80	0	00%	Toàn trường	199	199	0	00%
		Khối			Số	Tốt		Khá		TB		Yếu																																																																																																																																	
SL	TL		SL	TL		SL	TL	SL	TL																																																																																																																																				
THCS	119	113	95%	6	5%	0	0.00%	0	0.00%																																																																																																																																				
THPT	80	76	95%	4	5%	0	0.00%	0	0.00%																																																																																																																																				
Khối	Số	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém																																																																																																																																			
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	S	TL	SL	TL																																																																																																																																		
THCS	119	7	5,6%	46	38,5%	66	55,9%	0	0.00%	0	0.00%																																																																																																																																		
THPT	80	9	10,5%	43	52,7%	28	36,8%	0	0.00%	0	0.00%																																																																																																																																		
Khối lớp	Đầu năm	Cuối năm	Giảm	Tỉ lệ giảm																																																																																																																																									
Khối 6	30	30	0	00%																																																																																																																																									
Khối 7	29	29	0	00%																																																																																																																																									
Khối 8	30	30	0	00%																																																																																																																																									
Khối 9	30	30	0	00%																																																																																																																																									
THCS	119	119	0	00%																																																																																																																																									
Khối 10	30	30	0	00%																																																																																																																																									
Khối 11	26	26	0	00%																																																																																																																																									
Khối 12	24	24	0	00%																																																																																																																																									
THPT	80	80	0	00%																																																																																																																																									
Toàn trường	199	199	0	00%																																																																																																																																									
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<p>- Đối với HS khối 6, 7, 8, 10, 11: Đủ khả năng lên lớp và học tiếp theo chỉ tiêu.</p> <p>- Đối với khối 9, 12: 100% HS đủ khả năng học tiếp hoặc tham gia học nghề.</p>																																																																																																																																											

Krông Nô, ngày 14 tháng 9 năm 2021

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Dung